

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2024

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thơ**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Đắc Thắng**;

Ông **Nguyễn Thành Luân**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Hồng Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Đặng Lê Lê T**, sinh năm 1990 (xin vắng);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

**2. Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: H York Dale DR C USA.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Lê Lê T trình bày:*

Vào ngày 15/12/2017 chị T và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43.

Sau khi kết hôn chị T vẫn sinh sống với gia đình ở Việt nam, còn anh L trở về Hoa Kỳ, thỉnh thoảng về Việt Nam thăm chị T. Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh L không quan tâm đến chị T, nên chị T tìm hiểu và được biết anh L còn quan hệ chung sống với rất nhiều người phụ nữ khác. Cho đến năm 2020, anh L chung sống và có con với một người phụ nữ khác ở huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Chị đã trao đổi với anh L và người phụ này, họ đều thừa nhận là

đã có một đứa con trai. Từ đó đến nay giữa chị T với anh L không còn liên hệ với nhau nữa.

Nay chị T yêu cầu tòa án giải quyết các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn L không có văn bản trình bày ý kiến.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:*

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Lê Lệ T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Lê Lệ T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đặng Lê Lệ T có nơi cư trú tại tỉnh Tiền Giang, bị đơn anh Nguyễn Văn L đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Đặng Lê Lệ T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp “Thông báo về việc thụ lý vụ án” cho anh Nguyễn Văn L và có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài nhưng hết thời hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn chưa có kết quả, nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Lê Lệ T và anh Nguyễn Văn L.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Lê Lê T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Đặng Lê Lê T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 15 tháng 12 năm 2017, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Đặng Lê Lê T trình bày: Sau khi kết hôn chị T vẫn sinh sống với gia đình ở Việt Nam, còn anh L trở về Hoa Kỳ, thỉnh thoảng về Việt Nam thăm chị T. Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh L không quan tâm đến chị T và chung sống với người phụ nữ khác, có con riêng nên từ đó đến nay giữa chị T với anh L không còn liên hệ với nhau nữa. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Nhận thấy, thời gian vợ chồng anh chị chung sống với nhau không nhiều do khoảng cách điều kiện địa lý. Anh L sinh sống và làm việc tại Hoa kỳ, chị T sinh sống tại Việt Nam nên tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được. Hơn nữa thời gian anh chị ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh L là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đặng Lê Lê T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 474, Điều 477, khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đặng Lê Lê T

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Lê Lệ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Lê Lệ T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đặng Lê Lệ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000393 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Lê Lệ T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với anh Nguyễn Văn L thời hạn kháng cáo là 12 tháng kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thơ**